

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thu hút	12	071	6103	00000	0	0	0	104.550.000	0	104.550.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	071	6115	00000	0	0	158.852.067	388.210.421	158.852.067	388.210.421
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	0	240.655.950	0	240.655.950
Bảo hiểm xã hội	12	071	6301	00000	0	0	27.418.785	66.553.390	27.418.785	66.553.390
Bảo hiểm y tế	12	071	6302	00000	0	0	4.838.612	11.646.314	4.838.612	11.646.314
Kinh phí công đoàn	12	071	6303	00000	0	0	3.225.738	7.764.208	3.225.738	7.764.208
Bảo hiểm thất nghiệp	12	071	6304	00000	0	0	1.612.869	3.882.104	1.612.869	3.882.104
Các khoản đóng góp khác	12	071	6349	00000	0	0	806.437	1.383.431	806.437	1.383.431
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	449.520.675	943.395.025	449.520.675	943.395.025
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	1.029.672.583	2.544.768.802	1.029.672.583	2.544.768.802
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	138.290.428	378.582.828	138.290.428	378.582.828
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	13.398.000	33.066.000	13.398.000	33.066.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	635.456.671	635.456.671	635.456.671	635.456.671
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	348.697.057	863.899.430	348.697.057	863.899.430
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	609.000	1.503.000	609.000	1.503.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	1.516.413	3.742.473	1.516.413	3.742.473

Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	200.066.375	503.528.487	200.066.375	503.528.487
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	35.305.834	88.082.202	35.305.834	88.082.202
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	23.537.222	58.721.466	23.537.222	58.721.466
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	11.768.611	29.360.733	11.768.611	29.360.733
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	5.853.107	10.206.345	5.853.107	10.206.345
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	86.400.000	0	86.400.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	15.620.833	115.908.656	15.620.833	115.908.656
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	1.614.600	2.750.800	1.614.600	2.750.800
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	4.914.000	30.928.500	4.914.000	30.928.500
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	265.977	527.995	265.977	527.995
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	2.700.000	8.100.000	2.700.000	8.100.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	2.980.000	5.889.000	2.980.000	5.889.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	8.400.000	25.200.000	8.400.000	25.200.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	52.107.600	138.970.400	52.107.600	138.970.400
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000	0	0	157.261.916	471.795.201	157.261.916	471.795.201
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000	0	0	2.046.000	6.138.000	2.046.000	6.138.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000	0	0	53.249.306	160.169.983	53.249.306	160.169.983
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	071	6113	00000	0	0	93.000	279.000	93.000	279.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000	0	0	24.493.268	72.570.324	24.493.268	72.570.324
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000	0	0	31.753.134	94.487.600	31.753.134	94.487.600
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000	0	0	5.603.498	16.515.114	5.603.498	16.515.114
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000	0	0	3.735.664	11.010.074	3.735.664	11.010.074
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000	0	0	1.867.832	5.505.037	1.867.832	5.505.037
Các khoản đóng góp khác	14	071	6349	00000	0	0	933.918	1.850.521	933.918	1.850.521
Chi khác	14	071	6449	00000	0	0	1.100.810.729	2.517.950.337	1.100.810.729	2.517.950.337
Cộng:					0	0	4.560.897.759	10.691.905.822	4.560.897.759	10.691.905.822
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Van Ngo Thi Bich 03
Ngày ký: 02/10/2024 09:07:09
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

Van Ngo Thi Bich 03

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Thị Thanh Nga
Ngày ký: 01/10/2024 15:20:30
Đơn vị: Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2

Người ký: Huỳnh Thị Diễm
Ngày ký: 01/10/2024 15:31:07
Đơn vị: Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2

Huỳnh Thị Thanh Nga

Huỳnh Thị Diễm